TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 12 - 2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Dần

Ông Nguyễn Hồng Diện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2025/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2025; về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST-ST, ngày 08 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị Lệ Q, sinh năm 1997; căn cước công dân số: 002197001927, cấp ngày: 04/02/2023; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức K, sinh năm 1994; căn cước công dân số: 002094002404, cấp ngày: 04/02/2023; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; "vắng mặt lần 2, không có lý do".

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn K, xã Y, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2025 và tại phiên toà chị Hà Thị Lệ Q trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức K tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang (nay là xã Y, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày

29/5/2017. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng 06 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình; việc mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả; do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa; chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy chị làm đơn đề nghị Toà án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đức K theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có hai con chung là cháu Nguyễn Như Q1, sinh ngày 22/10/2017 và cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 12/11/2019. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị Hà Thị Lệ Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đức K vắng mặt, anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án. Tòa án đã giao Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho Trưởng thôn K, xã Y là ông Hoàng Đức D, ông D đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh K được biết việc chị Q yêu cầu ly hôn anh K. Anh Nguyễn Đức K nhiều lần vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử. .

Tại các Biên bản xác minh ngày 04/11/2025 của Toà án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang với Trưởng thôn K, xã Y và Chuyên viên Văn phòng Ủy ban nhân dân phụ trách Tư pháp - Hộ tịch xã Y, tỉnh Tuyên Quang nơi chị Q và anh K sinh sống phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Chị Hà Thị Lệ Q và anh Nguyễn Đức K tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang (nay là xã Y, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 29/5/2017. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc với nhau được khoảng sáu năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình; việc mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả; do mâu thuẫn vợ chồng nên chị Q đã xin đi làm Công ty từ năm 2024, còn anh K cũng đi làm Công ty và anh chị đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Như Q1, sinh ngày 22/10/2017

và cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 12/11/2019, trên thực tế chị Q và anh K đều là lao động tự do, không có công việc và thu nhập ổn định; tuy nhiên cả hai bên gia đình anh chị đều có ruộng, vườn, kết hợp với chăn nuôi, hơn nữa cả anh K và chị Q đều đi làm công ty nên cũng có thu nhập; bên cạnh đó cháu Q1 đã trên bảy tuổi trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị Q được ly hôn với anh K thì quan điểm của chính quyền xã Y là đề nghị Tòa án hỏi nguyện vọng của các cháu và giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và công nợ chung, do chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chúng tôi không cung cấp thông tin gì thêm.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang:

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Hà Thị Lệ Q được ly hôn anh Nguyễn Đức K; Về việc nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Như Q1, sinh ngày 22/10/2017 và cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 12/11/2019 cho chị Hà Thị Lệ Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Q1 và cháu K1 đủ 18 tuổi, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề cập xem xét; Về án phí: nguyên đơn là chị Hà Thị Lệ Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, bị đơn là anh Nguyễn Đức K không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do chị Hà Thị Lệ Q có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025. Bị đơn anh Nguyễn Đức K có nơi cư trú tại thôn K, xã Y, tỉnh Tuyên Quang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án thông qua trưởng thôn K, xã Y anh Nguyễn Đức K nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh K vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến gì về việc chị Hà Thị Lệ Q

yêu cầu ly hôn. Xét thấy Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh K vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đức K.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Lệ Q và anh Nguyễn Đức K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 29/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang (nay là xã Y, tỉnh Tuyên Quang) nên hôn nhân giữa chị Q và anh K là hợp pháp.

[4] Xét về tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc với nhau được khoảng sáu năm sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, việc mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả; do mâu thuẫn vợ chồng nên chị Q đã xin đi làm Công ty từ năm 2024, còn anh K cũng đi làm Công ty và anh chị đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình giải quyết, mặc dù đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh K nhưng anh K vẫn vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị Q. Chị Q xác định không còn tình cảm với anh K, vợ chồng không hòa thuận, không thể tiếp tục chung sống với nhau, chị Q kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị Q không tạo điều kiện để tiếp tục chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh K thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị Lệ Q.

[5] Về việc nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Như Q1, sinh ngày 22/10/2017 và cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 12/11/2019 hiện nay các cháu đang sinh sống cùng với chị Q. Khi ly hôn, chị Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chị Q đang nuôi hai cháu, anh chị đều là lao động tự do, ngoài ra quá trình giải quyết Tòa án cũng đã lấy lời khai của cháu Q1, cháu Q1 có nguyện vọng được ở với chị Q. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho hai cháu, đảm bảo sự ổn định về chỗ ở, học tập của hai cháu, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao hai cháu cho chị Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh K được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này.

[6] Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị Hà Thị Lệ Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Hà Thị Lệ Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 68, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hà Thị Lệ Q. Chị Hà Thị Lệ Q được ly hôn anh Nguyễn Đức K.

2. Về việc nuôi con chung: Chị Hà Thị Lệ Q là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu là Nguyễn Như Q1, sinh ngày 22/10/2017 và cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 12/11/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Đức K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung anh K, chị Q có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Hà Thị Lệ Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai thu số: 0000601, ngày 06/10/2025.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 5 - Tuyên Quang;
- Phòng THADS khu vực 5 - Tuyên Quang;
- UBND xã Đồng Yên, tỉnh Tuyên Quang (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Tuấn Vĩnh